

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM KỲ
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 212/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24-7-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM KỲ, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Khôi.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hữu Tin.

2. Bà Trần Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Thành V - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Thôn Phú N, xã Tam X, huyện Núi Th, tỉnh Quảng N; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khối phố 5, phường An X, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông V tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An X, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N vào năm 2015. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V uống rượu về có lần đánh đập bà. Bà đã nhiều lần chịu đựng và khuyên ngăn nhưng ông không thay đổi. Cuộc sống của vợ chồng ông, bà kéo dài như vậy trong 5 năm trở lại đây. Bà cố chịu đựng, bà bị tật ở chân, đi lại khó khăn, cũng mong muốn

có chỗ dựa nhưng bà đã thực sự hết tình cảm với ông V. Nay bà cương quyết xin ly hôn với ông V.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày: Về điều kiện kết hôn giữa ông và bà T, ông thống nhất như bà T trình bày là đúng, ông không thay đổi, bổ sung gì thêm. Trong thời gian chung sống, ông hết mực thương yêu bà T. Ông thừa nhận có lúc nóng T, uống rượu về bà T nói xúc phạm nên ông có đánh bà T. Bà T có lần mắng chửi ông nhưng ông thực sự còn thương yêu bà T rất nhiều nên ông không đồng ý ly hôn với bà T. Ông mong muốn được Tòa án hòa giải để vợ chồng ông được chung sống cùng nhau.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Kỳ tham gia phiên tòa: Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T: Theo đó cho bà T ly hôn với ông V;

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thanh V tranh chấp về ly hôn. Hiện nay ông V có đăng ký hộ khẩu và sinh sống tại thành phố Tam Kỳ nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thanh V tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường An X, thành phố Tam K, tỉnh Quảng N vào ngày 06-11-2015 nên quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn

Thanh V thì thấy, trong thời gian chung sống vợ chồng ông, bà xảy ra nhiều mâu thuẫn do không hợp nhau. Bà T cho rằng ông V hay uống rượu, đánh đập bà. Ông V thừa nhận có lúc uống rượu về, nóng T nên có đánh bà T vì bà T chửi bới ông. Hiện nay bà T về quê ở huyện Núi Thành, không ở chung cùng ông V cách nay gần 1 năm. Vợ chồng ông, bà phân ai người nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Do đó, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông V. Qua xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông V địa phương không có thông tin và cũng chưa nhận được đơn báo.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cho đến nay, Tòa án đã tạo điều kiện, tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bà T vẫn cương quyết xin ly hôn, ông V không muốn ly hôn nhưng cũng đã không có kế hoạch cho cuộc sống, không thuyết phục được bà T. Ông thừa nhận thường xuyên uống rượu và không thể bỏ uống rượu, điều đó thể hiện ông không tha thiết việc hàn gắn đoàn tụ gia đình, không thể hiện hết tình yêu thương của ông với bà T.

Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông V đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà T là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T với ông V.

[2.2] Về nuôi con chung: Bà T và ông V đều khai không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[2.3] Về chia tài sản, nợ chung: Bà T, ông V đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Các Điều 28, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 20-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Thanh V.

2. Về nuôi con chung: Bà T, ông V đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về chia tài sản, nợ chung: Bà T, ông V đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000616 ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Bà T đã nộp xong tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24-7-2020).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường An X;
- VKSND TP. Tam K;
- TAND tỉnh QN;
- Chi cục THADS TP Tam K;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Văn Khôi

